

*

Bảo Lâm, ngày 20 tháng 04 năm 2023

Số: 98 -KH/HU

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về "Nông nghiệp, nông
dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"**

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) và Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về "nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" (Gọi tắt là *Nghị quyết số 19-NQ/TW*); Huyện ủy Bảo Lâm xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nhằm tuyên truyền quán triệt và triển khai cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Nghị quyết số 19-NQ/TW để tổ chức thực hiện; tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tạo động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát các nội dung cơ bản của Nghị quyết số 19-NQ/TW có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả; đồng thời, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong công tác phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân trên địa bàn huyện.

- Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, hiệu quả và xác định nông dân là chủ thể là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

- Tất cả công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và toàn thể nhân dân trên địa bàn huyện nêu cao tinh thần trách nhiệm, tự giác, gương mẫu trong thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

(Khóa XIII) và Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của tỉnh ủy Lâm Đồng về " *Nông nghiệp, Nông dân, Nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*".

- Nhân rộng những cách làm hay, cách làm sáng tạo, hiệu quả phù hợp nhằm tạo đột phá về thay đổi tư duy sản xuất của nông dân, tận dụng tối đa lợi thế về tiềm năng đất đai, khí hậu của huyện để tập trung vào phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn huyện Bảo Lâm từng bước hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn kết với chuỗi giá trị và các lĩnh vực hỗ trợ. Chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu thị trường, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm. Phần lớn sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận chất lượng, có đăng ký nhãn hiệu, truy xuất được nguồn gốc. Phát triển khu vực nông thôn trở thành nơi đáng sống, có cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, hiện đại. Cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tỷ trọng ngành nông lâm thủy chiếm 25% cơ cấu kinh tế của huyện. Tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy đạt bình quân 5-6%/năm (*gai đoạn 2021-2025 là 4,5 - 5%*); Tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản bình quân 15-20%; giá trị sản xuất bình quân đạt 185 triệu đồng/ha.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp - xây dựng tăng 10%; dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 12- 13 %/năm.

- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu hàng năm đạt khoảng 5 - 6%. Kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt 10 triệu USD; tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chế biến, chế biến sâu đạt trên 20%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 50 %; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo đạt trên 70%.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng gấp 02 lần so với năm 2020. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều xuống dưới 2%.

- Phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số, phấn đấu nâng thu nhập bình quân đầu người bằng ít nhất 50% bình quân toàn tỉnh; hàng năm thu hút 2-3% lao động vùng dân tộc thiểu số chuyển sang hoạt động phi nông nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sạch tại nông thôn; 100% công trình thủy lợi trọng điểm được khởi công; trên 90% đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng được cứng hóa; 95% diện tích canh tác được tưới; trên 75% hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

- Tỷ lệ che phủ rừng duy trì ổn định trên 55%; khai thác bền vững các giá trị tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng rừng.

- Tỷ lệ xử lý chất thải rắn, nước, khí, chất thải y tế... đạt 97 %.

- Đến năm 2024, huyện Bảo Lâm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2030 có 06 xã đạt nông thôn mới nâng cao, 03 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu về tiêu chí môi trường, giáo dục, an ninh trật tự,...

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Nông nghiệp sinh thái, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, đời sống văn hóa, xã hội và thu nhập của người dân nông thôn tiệm cận với đô thị; nông thôn thịnh vượng và có kết cấu hạ tầng phù hợp, cảnh quan môi trường sạch đẹp, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế xã hội.

- Tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này đến các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân toàn huyện nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân, nông thôn.

- Xây dựng nội dung và phương pháp tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW phải phù hợp với từng đối tượng; bảo đảm thiết thực và hiệu quả với các hình thức đa dạng, phong phú, nhấn mạnh tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm tại chỗ cho lao động

nông thôn, nâng cao vai trò, vị thế năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn.

- Chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho người dân; thu hút lao động có trình độ cao về làm việc ở khu vực nông thôn.

- Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân theo phương châm "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân và cư dân nông thôn nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỉ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Bố trí ổn định dân cư khu vực xã có tỉ lệ hộ nghèo cao. Tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

- Phát huy vai trò của Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ pháp luật, kiến thức sản xuất kinh doanh, khoa học - công nghệ; đẩy mạnh các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng gia đình văn hoá.

3. Thực hiện đột phá chiến lược trong phát triển kết cấu hạ tầng nông

ng nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa.

- Huy động nguồn lực từ Trung ương, Tỉnh, Huyện và các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng tạo động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, hạ tầng kinh tế số, phù hợp với các xã, thị trấn, nhất là ở các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đổi mới nội dung hoạt động, nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với trình độ phát triển, văn hóa và điều kiện cụ thể của từng địa phương, đảm bảo thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững, tránh dàn trải, lãng phí. Năm 2024, huyện Bảo Lâm hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; phấn đấu đến năm 2030 có 06 xã nâng cao và 03 xã kiểu mẫu.

- Tập trung nguồn lực hoàn thiện các dự án bố trí dân cư đang triển khai thực hiện, chọn lọc phát triển các khu dân cư mới, dự án chỉnh trang nâng cấp các khu dân cư hiện hữu theo quy hoạch, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hoá, địa hình, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người dân nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động phòng, chống rủi ro, đảm bảo địa bàn cư trú và đời sống của cư dân nông thôn an ninh và an toàn trước thiên tai, dịch bệnh và các biến động bất lợi.

- Triển khai các cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư dịch vụ, công nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp và khu vực nông thôn; ưu đãi tạo việc làm cho lao động nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp nông nghiệp, nông thôn.

4. Nâng cao trình độ khoa học-công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo để phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, hiện đại, nâng cao chất lượng giá trị tăng sản phẩm nông nghiệp.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy liên kết và chuyển giao công nghệ giữa cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp và nông dân; nâng cao năng lực tiếp thu và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân.

- Xây dựng các chương trình, đề án mang tính đột phá về khoa học công nghệ,

đặc biệt trong ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tiếp cận đa ngành, bền vững, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu đảm bảo an ninh lương thực, tập trung thực hiện một số nhiệm vụ đó là:

a) Trồng trọt:

- Cây cà phê: Tiếp tục rà soát, đánh giá, bổ sung vào cơ cấu giống các giống có chất lượng phù hợp với các tiểu vùng, tuyên truyền vận động và hỗ trợ nông dân thông qua các chương trình tái canh, cải tạo giống cà phê. Phấn đấu đến năm 2030 diện tích cà phê là các giống có năng suất, chất lượng cao đạt 98% tổng diện tích cà phê của huyện và duy trì diện tích canh tác khoảng 36.000 ha, năng suất bình quân ước đạt 3,8 tấn/ha, sản lượng đạt khoảng 136.800 tấn/năm.

- Cây chè: Tiếp tục chuyển đổi giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2030 diện tích chè cành cao sản, chè chất lượng cao đạt 97% tổng diện tích chè toàn huyện, đồng thời duy trì ổn định diện tích chè đến năm 2030 khoảng 6.000 ha, năng suất bình quân 150 tạ/ha; sản lượng ước đạt 90.000 tấn/năm, đồng thời đẩy mạnh phát triển các vùng sản xuất chè tập trung, quy mô lớn hiện có để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, đạt chất lượng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Cây ăn quả: Tiếp tục rà soát, chuyển đổi hoặc trồng xen cây ăn quả trên các diện tích kém hiệu quả, diện tích sản xuất cây công nghiệp dài ngày; xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất cây ăn quả chủ lực thích ứng với biến đổi khí hậu, linh hoạt với thị trường đặc biệt là các giống trái vụ; xây dựng các vùng trồng cây ăn quả chất lượng cao được cấp mã số vùng trồng phục vụ nhu cầu xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2030, diện tích trồng xen, trồng thuần cây ăn quả chủ yếu sầu riêng, bơ 034 đạt khoảng 7.800 ha, sản lượng đạt khoảng 70.000 tấn.

- Mắc ca: Mở rộng diện tích trồng cây Mắc ca trên diện tích đất sản xuất nông nghiệp có độ dốc cao, kém hiệu quả, trồng trên đất lâm nghiệp được nhà nước cho phép nhằm tăng tỷ lệ che phủ rừng. Đến năm 2030 diện tích trồng cây Mắc ca toàn huyện ước đạt trên 2.956 ha sản lượng trên 5.498 tấn.

- Dâu tằm: Phát triển diện tích trồng dâu, nuôi tằm, dự kiến đến năm 2030 đạt khoảng 1.200 ha, sản lượng kén khoảng 3.000 tấn; nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất trứng giống tằm đảm bảo chất lượng để chủ động nguồn giống phục vụ sản xuất; hình thành vùng nguyên liệu dâu tằm ổn định; khuyến khích hình thành liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất dâu tằm, đồng thời tập trung đầu tư hỗ trợ các mô hình cơ giới hóa trồng dâu nuôi tằm, nhà nuôi tằm theo hướng công nghệ cao, tổ chức tập huấn tuyên truyền cho các tổ chức cá nhân phát triển nuôi tằm theo kỹ thuật mới.

b) Chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, chăn nuôi khép kín, ứng dụng công nghệ cao, chủ động phòng chống dịch bệnh; bò sữa, bò thịt, lợn, gia cầm, tầm tiếp tục là các đối tượng vật nuôi chính, chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng trang trại chăn nuôi quy mô lớn theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ; thực hiện di dời, hoặc ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề đối với các cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định.

- Đàn bò: Bò sữa phấn đấu đến năm 2030, đàn bò sữa toàn huyện đạt 500 con. Tiếp tục sử dụng tinh bò sữa cao sản và tinh phân biệt giới tính nhằm cải tạo giống, nâng cao năng suất, chất lượng sữa, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; Bò thịt phấn đấu đến năm 2030 nâng đàn bò thịt lên khoảng 4.000 con. Tiếp tục cải tạo đàn bò theo hướng Zêbu, nâng cao tầm vóc, năng suất, chất lượng sản phẩm bò thịt để tăng khả năng cạnh tranh với các sản phẩm nhập nội trên thị trường.

- Đàn lợn: Đến năm 2030 đạt khoảng 25.000 con bằng các giống lợn ngoại thuần có năng suất, chất lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường; phát triển chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo hướng công nghiệp, hiện đại; hạn chế phát triển chăn nuôi quy mô nông hộ. Khuyến khích ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào phát triển chăn nuôi nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Gia cầm: Đến năm 2030 đàn gia cầm đạt 1,85 triệu con. Khuyến khích chăn nuôi trang trại quy mô lớn và vừa theo hướng an toàn sinh học, hữu cơ đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với bảo vệ môi trường; thu hút xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và cơ sở giết mổ quy mô lớn gắn với sơ chế, chế biến để ổn định thị trường đầu ra cho sản phẩm.

c) Thủy sản: Tận dụng, khai thác hiệu quả, bền vững các diện tích mặt nước hồ chứa thủy lợi, mặt nước khác để duy trì các đối tượng thủy sản truyền thống và mở rộng đối tượng thủy sản nước lạnh. Đến năm 2030, diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 300 ha.

d) Lâm Nghiệp:

- Huy động các nguồn lực của toàn xã hội tham gia vào công tác QLBV rừng, gắn trách nhiệm cụ thể đến chính quyền cơ sở, các phòng, ban, ngành và chủ rừng trên địa bàn huyện để chủ động triển khai thực hiện các biện pháp trong công tác quản lý, ngăn chặn và kịp thời xử lý các vụ phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, bảo vệ và phát triển hiệu quả diện tích rừng hiện có và rừng được tạo mới; đổi mới mô hình tăng trưởng từ mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp.

- Thực hiện tái cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp theo đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện theo hướng toàn diện, bền vững và hiện đại; cải thiện môi trường sinh thái, tạo cảnh quan môi trường và chống biến đổi khí hậu.

- Phát triển vùng trồng rừng tập trung, các loại cây nguyên liệu gỗ và lâm sản ngoài gỗ có thể mạnh của huyện; các loài cây gỗ lớn bản địa; hình thành các vùng nguyên liệu, phục hồi và phát triển công nghiệp chế biến gỗ.

- Phát triển sản xuất nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng (thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng). Nghiên cứu phát triển, mở rộng một số dịch vụ khác từ rừng, đặc biệt là dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; phấn đấu đến năm 2030 nguồn thu từ rừng đủ bù đắp kinh phí cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm và dịch vụ môi trường rừng; Từng bước đáp ứng nhu cầu gỗ, lâm sản cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, góp phần tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường sinh thái để phát triển bền vững.

- Đổi mới và phát triển các thành phần kinh tế trong lâm nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường gắn với tái cơ cấu ngành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập.

- Nghiên cứu, chuyển đổi các giống cây lâm nghiệp mới cho năng suất, hiệu quả trồng rừng cao, lập quy hoạch, xây dựng phương án phát triển vùng nguyên liệu để phục vụ, thúc đẩy ngành chế biến gỗ phát triển.

- Rà soát những diện tích đất lâm nghiệp chưa trồng rừng đưa vào trồng rừng hàng năm, dự kiến mỗi năm trồng rừng khoảng 100 ha, nâng độ che phủ của rừng đạt trên 55%.

- Xây dựng quy hoạch mạng lưới chế biến gỗ đúng theo quy định, khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ trên địa bàn xây dựng chuỗi hành trình sản phẩm và được cấp chứng chỉ CoC để nâng giá trị xuất khẩu.

đ) Lồng ghép công tác cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp vào kế hoạch cải cách hành chính, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo các Nghị quyết số 12-NQ/TU và số 14-NQ/TU, ngày 25/5/2022 của Tỉnh ủy. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp, phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, xây dựng nông thôn

mới.

e) Thực hiện thí điểm và nhân rộng các mô hình, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có hiệu quả, gồm: Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh,...

f) Tăng cường áp dụng các quy trình kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đặc biệt là tại vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chọn lựa, ứng dụng phù hợp các loại công nghệ mới hiệu quả, thân thiện với môi trường; nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa, tự động hóa, tiến tới công nghệ thông minh từ sản xuất đến thu hoạch bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị.

g) Áp dụng các cơ chế chính sách phù hợp để thu hút đầu tư, hợp tác và hỗ trợ các doanh nghiệp, đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp đáp ứng nhu cầu sản xuất; khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế tạo trang thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp; công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; đặc biệt ưu tiên các công nghệ tiên tiến, sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; sản xuất phân bón sinh học, hữu cơ.

5. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất nhằm tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông sản có lợi thế của huyện; công nghiệp phụ trợ sản xuất máy móc, thiết bị vật tư nông nghiệp. Hoàn thiện quy hoạch, phát triển các khu, cụm, điểm thu mua, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông thôn tại các vị trí thuận lợi, gắn với vùng nguyên liệu để thu hút các nhà đầu tư; hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, phát triển các liên kết sản xuất, thu mua, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản.

- Đa dạng các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề, làng nghề tại nông thôn để tạo ra sản phẩm có giá trị, tăng thu nhập cho người dân; khôi phục, bảo tồn và phát triển nghề làng nghề truyền thống, khai thác giá trị văn hóa làng nghề để hình thành sản phẩm du lịch, dịch vụ trong xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với yêu cầu của thị trường đối với sản phẩm có lợi thế của từng xã, thị trấn theo chuỗi giá trị.

6. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển thị trường trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản.

- Tập trung đẩy mạnh nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã nông nghiệp; tổ chức lại sản xuất gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện. Tăng cường quảng bá xúc tiến đầu tư, kết nối doanh nghiệp; xây dựng, phát triển một số thương hiệu hàng nông sản có thể mạnh của huyện trên thị trường trong và ngoài nước; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử cho nông sản. Tập trung phát triển sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị liên kết, như: Cà phê, chè, dâu tằm, sầu riêng, bơ 034...

- Phát triển các chuỗi giá trị ngành hàng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, nhu cầu thị trường cao của huyện và gắn kết các vùng chuyên canh nhỏ, các tác nhân trong chuỗi theo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm, cùng chia sẻ lợi ích theo mức độ đóng góp giá trị, trong đó xác định các doanh nghiệp, hợp tác xã là tác nhân chính để gắn kết, phát triển chuỗi giá trị theo tiêu chí “Doanh nghiệp là nòng cốt, kinh tế tập thể, hợp tác xã là trung tâm, nông dân là chủ thể”. Phấn đấu đến 2030 toàn huyện có ít nhất 35 chuỗi liên kết hoạt động hiệu quả, tỷ lệ nông sản qua chuỗi đạt trên 35%.

- Đẩy mạnh đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, hộ nông dân theo chuỗi giá trị. Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại, trong đó tập trung phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác và trang trại nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp chuyên canh, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đầu vào, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các xã viên, hộ gia đình.

- Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics phục vụ nông nghiệp; xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã chuyển đổi số. Tăng cường đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng chính phủ điện tử; phát triển thương mại nông sản điện tử.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn hài hòa với quy định của các thị trường nhập khẩu khu vực và thế giới; tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu nông sản, phát triển nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, xử lý nghiêm các hành vi gian lận làm ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín hàng hóa nông sản trên thị trường trong nước và quốc tế.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống phá rừng suy thoái chất lượng rừng gắn với bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, có hiệu quả Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số

10-NQ/TU, ngày 10/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “ Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án tăng cường quản lý rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, xâm chiếm rừng và đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng bền vững; kế hoạch trồng rừng tập trung, trồng 50 triệu cây xanh, trồng cây đa mục đích trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đang sản xuất nông nghiệp ổn định để duy trì và tăng tỷ lệ che phủ rừng.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Đổi mới công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, tài nguyên rừng; thúc đẩy sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả; bảo vệ diện tích, độ phì nhiêu của đất canh tác nông nghiệp. Quy hoạch khai thác, quản lý, bảo vệ nguồn nước có hiệu quả.

- Triển khai hiệu quả các nội dung và giải pháp về bảo vệ môi trường, cải tạo cảnh quan nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới; chuyển đổi mô hình sản xuất, ứng dụng các công nghệ sạch hạn chế tác động đến môi trường; tiếp tục tổ chức thực hiện việc thu gom và xử lý rác thải tại các xã, các vùng sản xuất tập trung trên cơ sở xây dựng và nhân rộng các mô hình xử lý rác thải phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

- Xây dựng cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, thông minh, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên. Quy hoạch không gian hợp lý để các ngành sản xuất có tác động nhiều đến môi trường, như: Chăn nuôi, chế biến nông sản, giết mổ, xử lý chất thải,... cách xa vùng dân cư đông dân.

- Phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng và quy trình canh tác phù hợp với sự biến đổi của khí hậu; thay thế dần việc sử dụng hóa chất trong nông nghiệp bằng các sản phẩm sinh học, thảo mộc,.. đẩy mạnh sản xuất theo phương thức hữu cơ, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp nhằm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp và phát triển bền vững; quan tâm phát triển các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động trong công tác ứng phó phòng ngừa kịp thời với các loại hình thiên tai để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra; khắc phục kịp thời hậu quả sau thiên tai; thông báo cảnh báo thiên tai và trang thiết bị về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; đầu tư hoàn thiện hạ tầng phòng, chống thiên tai.

8. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

- Rà soát các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Trung ương, tỉnh, huyện từ đó đề xuất sửa đổi, hoàn thiện cơ chế chính

sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo thẩm quyền đảm bảo đúng quy định và điều kiện thực tiễn của huyện.

- Tăng cường công tác đối thoại giữa người đứng đầu cơ quan nhà nước với các tổ chức, doanh nghiệp và người dân, kịp thời giải quyết các phản ánh, kiến nghị bức xúc về cơ chế, chính sách gây cản trở trong quá trình phát triển, hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn để tháo gỡ các rào cản, vướng mắc tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp phát triển.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp ở nông thôn

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ, chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn huyện, đặc biệt là ở khu vực nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, người làm dịch vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp xã, thị trấn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thường xuyên làm tốt công tác thi đua khen thưởng, sơ kết, tổng kết từ cấp xã đến cấp huyện.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp; từng bước xây dựng, hình thành các tổ chức thực hiện dịch vụ khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, giống, phân bón,... nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đầu vào, đảm bảo quyền lợi cho nông dân.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, vận động nhân dân tích cực phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của nông dân và dân cư nông thôn để vươn lên làm giàu cho chính mình và gia đình, góp phần xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


1. Cấp ủy Đảng, chính quyền trong huyện, trên cơ sở Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Kế hoạch này, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để kịp thời bổ sung các giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo mục tiêu đề ra.

2. UBND huyện xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả Chương

trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Kế hoạch này. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy về tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong kế hoạch.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Kế hoạch này trong cán bộ, đảng viên, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tuyên truyền tại các địa phương, đơn vị.

4. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện chủ động chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội về các nội dung có liên quan phù hợp với Điều lệ, chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Các Ban xây dựng Đảng theo chức năng, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 27/10/2022 của Tỉnh ủy Lâm Đồng và Kế hoạch này. 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo),
- UBND tỉnh (báo cáo),
- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo),
- TT HU, HĐND, UBND huyện,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy,
- MTTQ và các DT huyện,
- Các Tổ chức cơ sở đảng,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Huyện ủy.

T/M HUYỆN ỦY
BÍ THƯ




Nguyễn Viết Vân

